

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Xuân Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 504/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huỳnh Dương K, sinh ngày 19/8/1995

Nơi cư trú: Số A, đường B, ấp V, xã V, Thành phố Cần Thơ (trước đây là số 14, đường B, ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 15/11/2004

Nơi cư trú: Số C, ấp A, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là số 363, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh Dương K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T do mai mối nên tiến đến hôn nhân, vợ chồng chung sống từ tháng 4/2024. Đến ngày 24/12/2024 anh K và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số A, đường B, ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 01/2025

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ vấn đề kinh tế trong gia đình (cụ thể vào thời gian này chị T đang thất nghiệp nên lo việc nội trợ trong gia đình còn anh K chăm lo về vấn đề kinh tế, tuy nhiên do anh K có mức thu nhập thấp (5.000.000 đồng), không đủ chi tiêu trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc), từ đó chị T không còn quan tâm đến gia đình, khi anh K ốm đau, bệnh tật nhưng chị T không quan tâm, chăm sóc cho chồng như thời gian chung sống trước đó. Đến khoảng giữa tháng 01/2025 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T; bản thân anh Nguyễn Huỳnh Dương K có tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Huỳnh Dương K yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Thanh T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn.

Chị Nguyễn Ngọc Thanh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Huỳnh Dương K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Ngọc Thanh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Dương K. Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Huỳnh Dương K được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Thanh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn, chị Nguyễn Ngọc Thanh T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 08/9/2025, chị Nguyễn Ngọc Thanh T có cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương, do không có trình báo

chính quyền địa phương nên không xác định được chị Nguyễn Ngọc Thanh T đi đâu, làm gì. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của chị Nguyễn Ngọc Thanh T tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Nguyễn Huỳnh Dương K khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Nguyễn Ngọc Thanh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Nguyễn Ngọc Thanh T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã L, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Huỳnh Dương K đề nghị xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Thanh T của anh Nguyễn Huỳnh Dương K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Huỳnh Dương K cho rằng, anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế trong gia đình nên chị T không còn quan tâm đến gia đình; khi anh K ốm đau, bệnh tật, chị T không quan tâm, chăm sóc như thời gian chung sống trước đó. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 01/2025 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T; bản thân anh Nguyễn Huỳnh Dương K có tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Huỳnh Dương K yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Thanh T.

Chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Dương K.

Xét thấy, anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và

bảo vệ. Chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Dương K theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Ngọc Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị Nguyễn Ngọc Thanh T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T nên lời trình bày của anh Nguyễn Huỳnh Dương K về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh Nguyễn Huỳnh Dương K yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Ngọc Thanh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Anh Nguyễn Huỳnh Dương K xác định anh Nguyễn Huỳnh Dương K và chị Nguyễn Ngọc Thanh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Huỳnh Dương K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Dương K.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huỳnh Dương K được ly hôn chỉ Nguyễn Ngọc Thanh T.

[2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Huỳnh Dương K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0024431 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Vĩnh Trinh, thành phố Cần Thơ (trước đây là UBND xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang